

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2020

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Bính;

2/ Ông Đỗ Văn Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Khuê;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà **Phạm Ngọc Thanh V**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

+ Bị đơn: Ông **Mai Hồng L**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu phố 5, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Ngọc Thanh V trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mai Hồng L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận ngày 31/12/2015. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông L sống vô tâm, không có trách nhiệm với gia đình. Bà đã nhiều lần cố gắng

bỏ qua nhưng ông L vẫn không thay đổi. Trước đây khi chung sống cùng nhau, ông bà cùng ở tại nhà cha mẹ của bà thuộc khu phố 2, phường M nhưng từ tháng 4 năm 2019 đến nay ông L đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại khu phố 5, M. Cũng từ tháng 4 năm 2019 đến nay mạnh ai nấy sống, bản thân ông L không quan tâm vợ cũng không qua lại thăm nom hay chu cấp, quan tâm con. Nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà V, ông L có 01 con chung là Mai Phước T, sinh ngày 24/4/2017. Hiện con đang ở với bà V nên sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Mai Hồng L vắng mặt.***

Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 5, phường M, thành phố P. Tòa án đã tổng đặt trực tiếp cho bị đơn ông L các văn bản tố tụng “Thông báo thụ lý vụ án”; “thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải”; “Thông báo kết quả phiên họp”; “Quyết định đưa vụ án ra xét xử”; “Quyết định hoãn phiên tòa” nhưng ông vẫn bỏ mặc không đến Tòa, không tham gia các phiên hòa giải cũng không tham gia phiên tòa.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: bà V được ly hôn ông L, về con chung giao con chung cho bà V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà V không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông L có nơi cư trú tại khu phố 5, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc Thanh V về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 5, phường M, thành phố P. Tòa án đã tổng đặt trực tiếp cho bị đơn các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn bỏ mặc không đến Tòa, không tham gia các phiên hòa giải cũng không tham gia phiên tòa. Tại

phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp, đảm bảo quyền chính đáng, hợp pháp cho nguyên đơn.

[2] - Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Ngọc Thanh V và ông Mai Hồng L là hợp pháp vì ông bà chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận vào ngày 31/12/2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 284/2015, quyền số 02/2015. Trong quá trình chung sống giữa bà V và ông L phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông L hiện đang sinh sống, theo biên bản xác minh ngày 14/5/2020 thì ông Nguyễn Văn T là khu phố trưởng khu phố 5, phường M cho biết từ đầu năm 2019 đến nay ông L ở cùng cha mẹ đẻ tại 363/9 đường H, khu phố 5, M còn bà V không cư trú tại đây. Như vậy, nội dung xác minh phù hợp với lời khai của nguyên đơn, việc bà Phạm Ngọc Thanh V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Mai Hồng L là hoàn toàn chính đáng, có căn cứ để chấp nhận.

Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, ông L đã được nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông vẫn không đến Tòa, không tham gia các phiên hòa giải, chứng tỏ ông L đã tự khước từ quyền tham gia tố tụng của mình. Qua đây cũng cho thấy ông L không có thiện chí hàn gắn lại mối quan hệ hôn nhân này.

Từ những nhận định trên yêu cầu xin ly hôn của bà V thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu xin ly hôn của bà V được chấp nhận.

- Về con chung: Bà V, ông L có 01 con chung là Mai Phước T, giới tính nam, sinh ngày 24/4/2017.

Xét cháu Mai Phước T hiện đang ở với bà V nên yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con của bà V là phù hợp, có căn cứ chấp nhận. Do bà V không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Phạm Ngọc Thanh V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc Thanh V:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ngọc Thanh V được ly hôn ông Mai Hồng L.

- Về con chung: Giao con chung là Mai Phước T, giới tính nam, sinh ngày 24/4/2017 cho bà Phạm Ngọc Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà V chưa yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà V, ông L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

- Về án phí: Bà Phạm Ngọc Thanh V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005347 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Bà V đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo bản án của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/6/2020). Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.P;
- Chi cục THADS TP.P;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Dũng